Chi tiết mã HS 4106.92.00

Mã HS	4106.92.00
Mô tả hàng hóa	Da thuộc hoặc da mộc của các loài động vật khác, không có lông, đã hoặc chưa xẻ, nhưng chưa được gia công thêm / - Loại khác: / - - Ở dạng khô (mộc)
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	12/11/2026 04:37:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/41069200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6648
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6648
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6648
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ6648
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6450
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6405
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6405
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6405
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6405
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6405
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6405
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6455
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6455

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6455
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6455
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6455
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6455
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6453
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6453
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6453
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6453
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6453
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6453
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6457
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6411
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6413
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6413
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6413
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6413
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6413
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6413
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6433
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6433
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6433
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6433
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6433
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6433
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6486
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6486
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6486
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6486
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6486
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6468
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6468
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6468
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6468
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6468
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6468
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6476
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6476
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6476
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6476
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6476
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6476
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6469
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6469
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6469
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6469
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6469
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6469
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6471
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6471
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6471
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6471

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6471
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6471
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6435
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6435
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6435
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6435
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6435
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6435
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6435
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6468
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6468
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6468
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6468
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6468
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6468
RCEP B	2022	2022	0	B!D6468
RCEP B	2023	2023	0	B!E6468
RCEP B	2024	2024	0	B!F6468
RCEP B	2025	2025	0	B!G6468
RCEP B	2026	2026	0	B!H6468
RCEP B	2027	2027	0	B!I6468
RCEP C	2022	2022	0	C!D6468
RCEP C	2023	2023	0	C!E6468
RCEP C	2024	2024	0	C!F6468
RCEP C	2025	2025	0	C!G6468
RCEP C	2026	2026	0	C!H6468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6468
RCEP D	2022	2022	0	D!D6468
RCEP D	2023	2023	0	D!E6468
RCEP D	2024	2024	0	D!F6468
RCEP D	2025	2025	0	D!G6468
RCEP D	2026	2026	0	D!H6468
RCEP D	2027	2027	0	D!I6468
RCEP E	2022	2022	0	E!D6471
RCEP E	2023	2023	0	E!E6471
RCEP E	2024	2024	0	E!F6471
RCEP E	2025	2025	0	E!G6471
RCEP E	2026	2026	0	E!H6471
RCEP E	2027	2027	0	E!I6471
RCEP F	2022	2022	0	F!D6468
RCEP F	2023	2023	0	F!E6468
RCEP F	2024	2024	0	F!F6468
RCEP F	2025	2025	0	F!G6468
RCEP F	2026	2026	0	F!H6468
RCEP F	2027	2027	0	F!I6468
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F5978
VIFTA	2025	2025	4	VI!G5978
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H5978
VIFTA	2027	2027	3	VI!I5978

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4106.92.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4106.92.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6648), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.